TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐỨC PHỔ** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2023/DS-ST
Ngày: 30-9-2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Cư

2. Ông Nguyễn Ngọc Thời

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Văn Dương, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Ông Trần Phương Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 982/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn H; địa chỉ: Tổ dân phố X, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (theo văn bản ủy quyền ngày 21/8/2023). Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Đặng Thị T1, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đặng Văn Đ; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/8/2023, các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/5/2022 bà Nguyễn Thị T có cho vợ chồng bà Đặng Thị T1, ông

Đặng Văn Đ mượn số tiền 80.000.000đồng để làm kinh tế gia đình. Khi mượn tiền thì chỉ có bà T1 viết giấy mượn và nhận tiền, nhưng bà T1 nói mượn tiền để làm kinh tế gia đình, ông Đ biết và đồng ý việc bà T1 mượn tiền của bà T.

Trong giấy mượn tiền ghi: *"Thời điểm thanh toán: Ngày 1 tháng 5 năm 2022"* là nói bà T đưa 80.000.000đồng cho bà T1 mượn vào ngày 01/5/2022, không phải ngày 01/5/2022 là ngày vợ chồng bà T1 trả nợ. Lúc đó hai bên thỏa thuận đến ngày 01/11/2022 vợ chồng bà T1 sẽ trả lại số tiền 80.000.000đồng cho bà T.

Khi đến thời hạn trả nợ, bà T đã nhiều lần đến nhà yêu cầu vợ chồng bà T1 trả nợ nhưng đến nay vợ chồng bà T1 vẫn chưa trả cho bà T khoản tiền nào, sau đó vợ chồng bà T1 bỏ nhà đi khỏi địa phương mà không thông báo địa chỉ mới cho bà T biết.

Do đó, bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Đặng Thị T1 và ông Đặng Văn Đ trả cho bà T số tiền vay gốc là: 80.000.000đồng, bà T không yêu cầu trả lãi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo yêu cầu giao nộp tài liệu chứng cứ, trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các văn bản tố tụng khác cho bà Đặng Thị T1 và ông Đặng Văn Đ. Tuy nhiên, bà T1 và ông Đ không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án; không tham gia các buổi làm việc, phiên họp, phiên tòa theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 72 và 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, buộc bà Đặng Thị T1 và ông Đặng Văn Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T 80.000.000đồng. Về tiền lãi: Bà T không yêu cầu nên không xem xét. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đặng Thị T1 và ông Đặng Văn Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng vay tài sản. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Khi xác lập hợp đồng vay tài sản với bà Nguyễn Thị T thì bà Đặng Thị T1 có nơi cư trú tại Tổ dân phố H, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Tuy nhiên, theo xác nhận của Công an phường Phổ Quang thì hiện nay bà T1 không có mặt tại địa phương. Việc bà T1 thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho bên có quyền biết là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[1.3] Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ giấy mượn tiền ngày 01/5/2022, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định: Ngày 01/5/2022 bà Đặng Thị T1 có viết giấy mượn 80.000.000đồng của bà Nguyễn Thị T.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cho rằng bà T1 vay tiền là để phục vụ cho kinh tế của gia đình, lúc vay tiền hai bên thỏa thuận đến ngày 01/11/2022 vợ chồng bà T1 sẽ trả lại số tiền 80.000.000đồng cho bà T, nhưng khi đến hạn trả nợ vợ chồng bà T1 không trả nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà T1 trả cho nguyên đơn số tiền 80.000.000đồng.

[2.3] Mặc dù giấy mượn tiền ngày 01/5/2022 chỉ có bà T1 ký, không có chữ ký của ông Đ, nhưng theo nguyên đơn trình bày thì bà T1 vay tiền là để phục vụ cho kinh tế của gia đình. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai thông báo thụ lý vụ án và các các văn bản tố tụng khác cho bà T1 và ông Đ theo quy định của pháp luật nhưng bà T1 và ông Đ không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phải chịu hậu quả theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.4] Theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày thì từ khi vay tiền đến nay bà T1, ông Đ chưa trả cho bà T khoản tiền nào. Việc bà T1, ông Đ không trả khoản nợ nêu trên cho bà T khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, bà T khởi kiện

yêu cầu Tòa án buộc bà T1, ông Đ có nghĩa vụ trả cho bà T 80.000.000đồng tiền nợ gốc theo giấy mượn tiền ngày 01/5/2022 là có căn cứ, đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Đối với tiền lãi: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Đặng Thị T1 và ông Đặng Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị tài sản mà bà Đặng Thị T1 và ông Đặng Văn Đ phải trả cho nguyên đơn là: 80.000.000đồng x 5% = 4.000.000đồng.

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền 2.000.000đồng tạm ứng án phí mà bà T đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, các điều 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 357, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

2. Buộc bà Đặng Thị T1 và ông Đặng Văn Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T 80.000.000đồng (tám mươi triệu đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Bà Đặng Thị T1 và ông Đặng Văn Đ phải chịu 4.000.000đồng (bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị T 2.000.000đồng (hai triệu đồng) tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006383 ngày 10/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự không có mặt tại phiên tòa có

quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi Cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Phong